

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/7/2021.

“V/v tranh chấp

hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hứa Văn Khương.

2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 30/6/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Hoàng K, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Khu phố I, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Nguyễn Văn C, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Năm 2004 bà K và ông C tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Đ, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/4/2004. Quá trình chung sống, bà K và ông C có 03 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 23/9/2002; Nguyễn Thanh K1, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 01/02/2010. Hiện 03 con đang sống chung với bà K.

Thời gian đầu sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có sự bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà K bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thị xã T sống, nên bà K và ông C đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được.

Nay bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: *Về hôn nhân*: Bà K yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C; *Về con chung*: Bà K yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên K1, T2 vì hiện các con đang sống chung với bà K, bà không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên T1 hiện nay đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/4/2021, bị đơn C trình bày: Năm 2000, ông và bà K tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện nhưng đến năm 2004 ông và bà mới đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn do UBND phường Pháo Đài, thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/4/2004. Quá trình chung sống, ông C và bà K có 03 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 23/9/2002 hiện nay đã trưởng thành, Nguyễn Thanh K1, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 01/02/2010. Hiện đang 03 con đang sống chung với bà K. Thời gian đầu sau khi kết hôn ông và bà chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà K mê cờ bạc, tụ tập ăn nhậu, nên ông C có khuyên nhủ bà K nhiều lần nhưng không được. Sau đó vợ chồng ông C định về bên cha mẹ ông C sống ở xã N nhưng ở được 07 ngày thì bà K tự ý bỏ về Hà Tiên sống 02 năm rồi về sống chung với ông C được thời gian khoảng 01 năm rồi lại đi, lần bỏ đi gần đây nhất là vào tháng 10/2020 nên ông C và bà K sống ly thân đến nay. Lúc bà K bỏ đi về Hà Tiên sống thì dẫn theo 03 con chung cùng về Hà Tiên sống đến nay. Từ khi ông C và bà K sống ly thân đến nay thì ông C và bà K không gặp nhau, chỉ điện thoại với nhau thì ông C có khuyên bà K về đoàn tụ với ông C để vợ chồng cùng lo cho các con nhưng bà K không đồng ý, ông cũng không còn biện pháp nào đều khuyên nhủ và không còn biện pháp để vợ chồng hàn gắn. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà K thì tôi có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông C không đồng ý ly hôn với bà K, vì ông còn thương vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp theo quy định của pháp luật giải quyết phải ly hôn cùng bà K thì ông đồng ý.

- Về con chung: Con chung Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 23/9/2002 hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên ông không có yêu cầu gì. Còn con tên Nguyễn Thanh K1, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 01/02/2010 có nguyện vọng muốn sống chung với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bà K có đơn xin xét xử vắng mặt và ông C vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu

thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà K được ly hôn với ông C. Về con chung: Giao cháu K1 và T2 cho bà K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, ghi nhận việc bà K không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên T1 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa bị đơn là ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; bà K có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng K và ông Nguyễn Văn C tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà K và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn đã lâu, nhưng ông bà không tìm biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài. Tòa án đã tổ chức và triệu tập các đương sự tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn và đoàn tụ, vì quan hệ hôn nhân là phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nhưng bà K không tham gia và có đơn xin vắng mặt, thể hiện việc bà không muốn đoàn tụ và kiên quyết ly hôn với ông C. Bản thân ông C cho rằng còn thương vợ, con và không đồng ý ly hôn nhưng từ khi ông bà sống ly thân đến nay, ông C không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ với bà K. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng của ông bà rạn nứt trầm trọng, không còn biện pháp nào để hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ, nên cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân đã không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà K và ông C có 03 người con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 23/9/2002; Nguyễn Thanh K1, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 01/02/2010.

Xét thấy, từ khi bà K và ông C sống ly thân đến nay thì cháu K1 và cháu T2 vẫn sống chung với bà K, được bà K chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và bà K có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi các con. Hai cháu K1 và T2 cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ là bà K sau khi cha mẹ hai cháu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu K1 và cháu T2 cho bà K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu, ổn định môi trường sống cho hai cháu và cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu K1 và cháu T2 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà K không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 23/9/2002 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoàng K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng K được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh K1, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 01/02/2010 cho bà Nguyễn Thị Hoàng K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà K không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 23/9/2002 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần,

các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Bà K phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009741 ngày 30/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà K đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt (bà K và ông C) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND p.Pháo Đài- Tp. Hà Tiên – Kiên Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Văn Khương Nguyễn Văn Sơn

Tô Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm Huyền

Huỳnh Khởi

Tô Thị Bích Duyên